TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HS-ST
Ngày: 24-9-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Bình Trọng
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Hồng;
2. Bà Dương Thị Hoa.

Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án NHÂN DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát NHÂN DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai kiểm sát xét xử tại phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án NHÂN DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. V S G, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01/01/1986 tại xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn X, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn G : Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông V S C sinh năm 1953; con bà T T P sinh năm 1956; vợ: H T M sinh năm 1987; con: bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành C và chưa bị xử lý kỷ luật; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/6/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh từ ngày 25/6/2021; hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo V S G: Ông Nguyễn Văn Hà - Trợ giúp viên Pháp lý công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. T S S, tên gọi khác: Không, sinh ngày 16/11/1991 tại xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn L C, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn G : Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông T S S sinh năm 1951; con bà C T G sinh năm 1953; vợ: H T P sinh năm 1994; con: bị cáo có 01 con sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu theo Bản án số 19/2016/HSST ngày 30/5/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt bị cáo T S S 05 (năm) năm tù về tội "Mua bán người", bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 28/2/2019; đến ngày thực hiện hành vi trộm cắp tài sản này đã được xóa án tích; Bị cáo

bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2021, gia hạn tạm giam lần thứ nhất kể từ ngày 11/8/2021, quyết định tạm giam kể từ ngày 10/9/2021. Hiện bị có đang được tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện S , tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T S S: Ông Hà Thanh Quang - Trợ giúp viên Pháp lý công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- *Bị hại*:

+ Anh V S P sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn M T, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

+ Anh V S C sinh năm 1970

Nơi cư trú: Thôn M T, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh H S V sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn A, xã N S, huyện S , tỉnh Lào Cai - Vắng mặt

+ Anh L V Đ sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn S C, xã N H, huyện B H, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ Người làm chứng anh T S L - Vắng mặt.

+ Người làm chứng anh V S L - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cáo trạng số 12/CT-VKS-SMC ngày 31/8/2021 của Viện kiểm sát NHÂN DÂN HUYỆN S truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 14/5/2021 V S G sinh ngày 01/01/1986 trú tại thôn X, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai biết V A P sinh năm 1982 và V S C sinh năm 1970 cùng trú tại thôn M T, xã Q H T, huyện S có chặt và để một số khúc gỗ sa mộc ở bên lề đường nội đồng thuộc thôn M T, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai nên V S G nảy sinh ý định trộm cắp. Để thực hiện ý định của mình G tìm gặp T S S sinh năm 1991 trú tại thôn L C, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai để rủ S tham gia trộm cắp. Khi gặp S, G nói *"Có hai đống gỗ ở đoạn đường nội đồng thôn M T, tao định ăn trộm, mày có tham gia không". S nói để xem đã.* Nói xong, G đi về nhà, S cũng đi về nhà. Về đến nhà S nghĩ muốn trộm được gỗ thì phải có phương tiện để chở và nhớ ra anh H S V sinh năm 1986 trú tại thôn A, xã N S, huyện S , tỉnh Lào Cai có xe ô tô tải nên S đã đi sang nhà anh V hỏi mượn xe ô tô. Khi đến gặp H S V Tráng nói với V *"Cho cháu mượn xe ô tô ít hôm để cháu chở phân đi bón ngô".* Anh V đồng ý, sau đó S điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu BONGO III màu xanh, biển kiểm soát 29C - 277.52 của H S V về nhà. Khoảng 08 giờ ngày 15/5/2021 S gọi điện cho T S L sinh năm 1977 trú tại thôn L C, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai nói với L *"Anh ơi có ai mua gỗ không, giới thiệu cho em"* L trả lời *"Trước thì có nhiều người mua gỗ nhưng lâu nay thì không có ai mua gỗ nữa"* nói xong L tắt máy. Một lúc sau, L gọi lại cho S và nói *"Anh đang ở B H có ông dưới này mua gỗ mày có bán không" S trả lời "Em có bán, em sẽ gọi lại cho anh sau".* Đến khoảng 20 giờ cùng

ngày, S tiếp tục gọi điện cho T S L nhờ L gọi điện thoại cho người dưới B H xem có lấy gỗ không để bán thì L hỏi S *"Gỗ đấy là của mày à"*. S trả lời *"Ừ"* sau đó tắt máy. Một lúc sau, L gọi điện lại cho S và nói có một người tên là L V Đ nhà ở thôn S C, xã N H, huyện B H nhận mua gỗ và bảo S mang gỗ đến đó bán, L đã liên lạc cho Đ rồi. Nghe vậy T S S gọi điện cho G và hẹn hai tiếng sau có mặt tại nhà S để cùng đi trộm gỗ. Khoảng 22 giờ cùng ngày, V S G đi bộ từ nhà ở thôn X, xã Q H T, huyện S đến nhà S ở thôn L C, xã Q H T gặp S rồi lên xe ô tô mà S đã mượn được, S điều khiển xe ô tô đi đến đoạn đường nội đồng thuộc thôn M T, xã Q H T, huyện S đến sát khu vực để gỗ mà G đã phát hiện trước đó, sau khi dừng xe S và G xuống bốc 08 khúc gỗ đã bóc vỏ lên xe ô tô, sau đó S tiếp tục điều khiển xe đi khoảng 200m thì thấy 08 khúc gỗ còn nguyên vỏ xếp chồng chéo lên nhau ở lề đường nên S và G dừng xe lại và bốc gỗ đó lên xe rồi S điều khiển xe ô tô chở gỗ đi thẳng về huyện B H, tỉnh Lào Cai. Đến khoảng 02 giờ S ngày 16/5/2021 S điều khiển xe đến trước cổng Bệnh viện đa khoa huyện B H rồi dừng xe lại rồi cùng G nằm nghỉ trên xe ô tô. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày S gọi điện cho L nhờ L gọi cho L V Đ xem có mua gỗ không. Một lúc sau, anh L gọi lại cho S và bảo S cứ đi vào chỗ L V Đ, Đ đứng ở cửa chờ sẵn rồi. Sau đó S điều khiển xe ô tô cùng V S G đến nhà L V Đ, thấy Đ đang đứng trước cửa nhà S dừng xe lại, anh L V Đ ra phía sau xe, nhìn vào trong thùng xe và hỏi S và G số gỗ trên xe bao nhiêu tiền. S trả lời 3.000.000 đồng, Đ nói *"Đắt quá, không mua được)* và trả 1.500.000 đồng. S và G không đồng ý nên điều khiển xe quay lại, khi đang trên đường quay lại, L gọi điện cho S nói rằng Đ trả 1.800.000 đồng và hỏi S có bán không. S và G đồng ý điều khiển xe ô tô quay lại nhà Đ rồi cả hai cùng Đ bốc toàn bộ số gỗ trên thùng xe gồm 16 khúc để xuống lề đường. Bốc gỗ xong, anh Đ đưa cho S 1.800.000 đồng. S nhận tiền rồi cùng G lên xe đi về S . Trên đường về S và G chia nhau số tiền trên mỗi người 900.000 đồng. Sau đó 02 người đi về nhà và chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 16/5/2021 V A P ra khu vực để gỗ để kiểm tra thì phát hiện số gỗ của mình và gỗ của anh V S C đã bị mất, anh P gọi điện cho anh C để thông báo và cùng nhau đi tìm nhưng không thấy. Đến ngày 07/6/2021 V A P phát hiện số gỗ bị mất trộm được xếp ở vỉa hè của trục đường C hướng đi xã B P, huyện B H gần nhà L V Đ. Anh P hỏi anh Đ số gỗ trên từ đâu mà có, anh Đ trả lời là mua của hai người đàn ông với giá 1.800.000 đồng thì anh P dùng điện thoại gọi cho anh C đến B H để xác nhận số gỗ trên nhưng do anh C bị ốm nên đã bảo con trai là V S L sinh năm 2001 đi đến xem thế nào, V S L cầm theo 01 khúc gỗ trước đó được cắt ra từ một trong những khúc gỗ của nhà anh C bị mất trộm. Khi đến nơi V S L dùng khúc gỗ mang theo ghép vào các khúc gỗ mà anh Đ đã mua. Nhận thấy có 01 trong 8 khúc gỗ chưa bóc vỏ có các vòng tròn hoàn toàn khớp nhau, màu thân gỗ và vỏ gỗ cùng một màu. Xác nhận C xác số gỗ bị trộm cắp, anh V S G đã đến Công an huyện S để trình báo.

Tại Bản kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 05/KL-ĐGTS ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện S xác định: 16 khúc gỗ gửi giám định là loại gỗ Sa mộc, thuộc loại gỗ nhóm V, có tổng khối lượng là 2,059m3, trị giá 4.528.978 đồng (bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi tám) đồng.

Vì các lẽ trên Viện kiểm sát NHÂN DÂN HUYỆN S Quyết định truy tố ra trước Tòa án NHÂN DÂN HUYỆN S để xét xử đối với bị cáo V S G, T S S về tội "Trộm cắp

tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo V S G và bị cáo T S S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của V S G, T S S phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát NHÂN DÂN HUYỆN S giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Hình phạt C: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 54, 58 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo V S G từ 04 tháng đến 05 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,h,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 54, 58 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo T S S từ 03 tháng 15 ngày đến 05 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Hình phạt bổ sung: Không để nghị áp dụng.

- Về dân sự:

+ Bị hại trong vụ án này là anh V A P và anh V S C sau khi nhận lại được tài sản của mình còn yêu cầu các bị cáo G và S mỗi bị cáo phải bồi thường tiền công đi tìm gỗ cho mỗi bị hại P và C số tiền 2.000.000 đồng; bị cáo G đã bồi thường đủ cho bị hại V A P và V S C mỗi người 1.000.000 đồng, bị cáo S đã nhờ bị cáo G bồi thường đủ cho bị hại V A P và V S C mỗi người 1.000.000 đồng, bị cáo V S G không yêu cầu bị cáo T S S phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng đã bỏ ra bồi thường cho T S S nên không đề cập giải quyết.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L V Đ yêu cầu các bị cáo G và S phải trả lại số tiền 1.800.000 đồng mà anh Đ đã bỏ tiền ra mua gỗ của các bị cáo. Bị cáo V S G đã bỏ số tiền 1.800.000 đồng để bồi thường cho anh L V Đ, trong đó có 900.000 đồng là số tiền bị cáo T S S đã nhờ V S G bồi thường hộ, bị cáo V S G không yêu cầu bị cáo T S S trả lại số tiền 900.000 đồng đã bỏ ra bồi thường hộ cho anh Đ nên không đề cập giải quyết.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H S V sau khi nhận lại được chiếc xe ô tô của mình không yêu cầu các bị cáo V S G và T S S phải bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

- Về vật chứng:

+ 16 khúc gỗ Sa mộc trong đó 08 khúc gỗ đã bóc vỏ là của anh V A P và 08 khúc gỗ chưa bóc vỏ là của anh V S C, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại số gỗ trên cho anh V A P và V S C;

+ Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu BONGO III màu xanh, biển kiểm soát 29C-277.52 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh H S V;

+ Số tiền 1.800.000 đồng do các bị cáo G và S bán gỗ là tài sản trộm cắp có được, các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết;

+ Đối với chiếc điện thoại T S S đã sử dụng để liên lạc trong việc thực hiện hành vi phạm tội, sau khi bị cáo S thực hiện việc phạm tội được khoảng vài ngày thì bị rơi, không biết rơi ở đâu nên không thu giữ được;

+ Đối với chiếc điện thoại của bị cáo V S G, bị cáo G khai đã bị hỏng và đã vứt

đi nhưng không nhớ vứt ở đâu nên không thu giữ được.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị Quyết 326 của Quốc Hội để tuyên án phí đối với bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo G đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 54; các Điều 17; 58 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo V S G 03 tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo S đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 54, các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo T S S 03 tháng 15 ngày tù;

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo V S G và T S S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, ý kiến của người bào chữa, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; các bị cáo là người khỏe mạnh, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù biết rõ trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng ngày 15/5/2021 các bị cáo đã trộm cắp 16 khúc gỗ Sa mộc của anh V A P và anh Vàng A C có tổng giá trị là 4.528.978 đồng. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định Viện kiểm sát nhân dan huyện S quyết định truy tố đối với các bị cáo V S G và T S S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu và làm hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, G dục và phòng ngừa chung. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo V S G là người khởi xướng đồng thời là người thực hành vì vậy bị cáo G là người giữ vai trò C trong vụ án, còn bị cáo T S S khi được bị cáo S rủ rê đã đồng phạm tham gia và thực hành một cách tích cực vì vậy bị cáo T S S là đồng phạm với vai trò là người thực hành. Đối với bị cáo G có nhân thân tốt còn bị cáo S có nhân thân không tốt.

Qua xem xét, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Đối với bị cáo V S G khi phát hiện thấy có hai đống gỗ Sa mộc để cạnh đường nội đồng thì bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp và tìm gặp T S S rủ bị cáo S tham gia

trộm cắp, sau đó bị cáo S cùng tham gia. Do vậy xét về vai trò thì bị cáo G là người khởi xướng đồng thời là người thực hành nên phải chịu trách nhiệm C trong vụ án. Qua xem xét đánh giá hành vi, tính chất và mức độ tham gia tội phạm và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy tài sản trộm cắp có giá trị 4.528.978 đồng chỉ trên mức khởi điểm (mức khởi điểm là 2.000.000 đồng) không đáng kể, quá trình khởi tố điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghêm trọng nên được hưởng bốn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,h,i,s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra trong quá trình khởi tố điều tra vụ án bị cáo tự nguyện ra đầu thú, được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và bố đẻ của bị cáo là ông V S C được Ban chấp hành Trung ương hội nông dân Việt Nam tặng Huy Chương vì giai cấp nông dân Việt Nam nên được hưởng thêm ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt nên cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện C sách khoan hồng của pháp luật; do bị cáo có bốn tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b,h,i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần áp dụng khoản 1,3 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V S G cho bị cáo được hưởng mức án 04 tháng tù là phù hợp, do bị cáo V S G là người khởi xướng đồng thời là người thực hành nên không được hưởng án treo.

+ Đối với bị cáo T S S sau khi được V S G rủ rê đã đồng ý tham gia và thực hiện một cách tích cực như tự liên hệ để đi mượn xe ô tô, gọi điện liên hệ để tìm nơi mua gỗ và sau khi cùng bị cáo G bốc được gỗ lên xe đã trực tiếp lái xe đi đến B H để bán. Do vậy xét về vai trò thì bị cáo S là người người thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương sứng với hành vi mà bị cáo thực hiện. Qua xem xét đánh giá hành vi, tính chất và mức độ tham gia tội phạm và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy tài sản trộm cắp có giá trị 4.528.978 đồng chỉ trên mức khởi điểm (mức khởi điểm là 2.000.000 đồng) không đáng kể, quá trình khởi tố điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện tác động đến bị cáo G bồi thường thiệt hại cho các bị hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,h,s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra còn được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện C sách khoan hồng của pháp luật; do bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,h,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần áp dụng khoản 1,3 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T S S. Cho bị cáo được hưởng mức án 03 (ba) tháng 15 (mười lăm) ngày tù bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

[2]: Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng nên không

áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại là anh V A P và anh V S C đã nhận được số tiền do bị cáo G và bị cáo S mỗi người bồi thường 2.000.000 đồng tiền chi phí đi tìm gỗ, nay các bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L V Đ đã nhận đủ 1.800.000 đồng của bị cáo G và bị cáo S là số tiền do anh Đ đã bỏ ra mua gỗ của các bị cáo và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H S V sau khi nhận lại được chiếc xe ô tô của mình không yêu cầu các bị cáo V S G và T S S phải bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng:

+ 16 khúc gỗ Sa mộc trong đó 08 khúc gỗ đã bóc vỏ là của anh V A P và 08 khúc gỗ chưa bóc vỏ là của anh V S C, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại số gỗ trên cho anh V A P và V S C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu BONGO III màu xanh, biển kiểm soát 29C-277.52 khi bị cáo S hỏi mượn của anh V nói là để đi trở phân, anh V không biết bị cáo sử dụng chiếc xe vào việc trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh H S V đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với chiếc điện thoại của bị cáo T S S đã sử dụng để liên lạc trong việc thực hiện hành vi phạm tội, sau khi bị cáo S thực hiện việc phạm tội được khoảng vài ngày thì bị rơi, không biết rơi ở đâu không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

+ Đối với chiếc điện thoại của bị cáo V S G, G khai đã bị hỏng và đã vứt đi nhưng không nhớ vứt ở đâu không thu giữ được không đề cập giải quyết.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S , Điều tra viên, Viện kiểm sát NHÂN DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát NHÂN DÂN HUYỆN S và của người bào chữa cho bị cáo S là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo G 03 tháng tù là nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ tham gia tội phạm của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo V S G và T S S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b,h,i,s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1,3 Điều 54; các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo V S G.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b,h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1,3 Điều 54; các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo T S S.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo V S G và T S S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt :

- Xử phạt bị cáo V S G 04 (bốn) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam 14 ngày (từ ngày 12/6/2021 đến ngày 25/6/2021), bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù 03 (ba) tháng 16 (mười sáu) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo T S S 03 (ba) tháng 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 12/6/2021.

3. Về án phí: Bị cáo G S G và T S G mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện S ;
- Công an Huyện S ;
- CQ CSĐT CA H. S ;
- Chi cục THA DS huyện S ;
- CQTHA Hình sự CA huyện S ;
- Nhà tạm giữ CA huyện S ;
- Các bị cáo (2);
- Người bào chữa (các ô Hà, Quang);
- Lưu: HS, THS, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

3. Về việc xử lý vật chứng: Truy thu của bị cáo Giàng Seo G và của bị cáo T S S mỗi bị cáo số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) do phạm tội
mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án;